

hầu tiến bước trên con đường tương lai xán lạn. Hồi đó tuy trai và gái cùng học chung lớp với nhau, nhưng ít khi cùng nhau sinh hoạt chung đụng. Tuy nhiên dưới sự điều dắt của thầy cô, chúng tôi thương yêu nhau như anh em ruột thịt. Mối tình học trò trong sáng của tuổi ấu thơ đã để lại trong tâm khảm của tôi những kỷ niệm êm đềm không bao giờ phai nhạt.

Mỗi dịp Tết đến, thầy hay dắt chúng tôi đến tận từng nhà một để tập cho chúng tôi chúc mừng và làm tuổi các bậc phụ huynh học sinh lẫn nhau. Đây là khoảng thời gian mà tình thầy trò và bạn bè đồng học cảm thông nhau một cách khăng khít.

Vì sinh ra là phận gái, nên cha mẹ tôi không cho tôi lên Sài Gòn học tiếp bậc Cao Trung (cấp 3). Vì vậy tôi phải xin chuyển trường qua học chương trình Việt Ngữ tại thị xã. Ngày đầu tiên khi vào lớp, tôi phải mặc chiếc áo dài đồng phục màu trắng như những bạn bè trang lứa khác. Đối với tôi, vì chưa quen, nên coi đây như một cực hình, vì từ nhỏ đến giờ, tôi thường mặc đồng phục của trường Hoa văn, áo màu trắng với chiếc cùn ngắn (váy ngắn) màu xanh dương rất gọn gàng. Khi bước lên bậc thềm, tôi thường hay nắm lấy vạt áo vì sợ sẽ dẫm lên và bị vấp ngã. Cử chỉ không tự nhiên ấy đã làm cho một số bạn bèn cười tôi và chọc ghẹo. Song lâu ngày chầy tháng, mình cũng quen dần và không còn cảm thấy ngượng ngùng như lúc mới vào học ở đây.



Trà Vinh ơi! Tôi nhớ lắm, nhớ từng hàng cây me cổ thụ rợp bóng bên đường, nhớ những chiếc nón lá che nghiêng trong những buổi chiều tà buông xuống, nhớ những chiếc áo dài trắng lả lướt thướt tha của những giờ tan học và nhớ nhất là bọn năm đứa chúng tôi được bạn bè mệnh danh là 5 con tinh nhên nhện: Đó là Lê Anh, Dương Nga, Ngọc Anh và tôi, tinh nghịch quậy nhất trong lớp. Chúng tôi thường rủ nhau đi ăn quà ở chợ cá. Món khoái khẩu nhất của 5

đứa chúng tôi là món bún nước lèo ăn với thịt quay và ăn nước đá bào tại quán chú Sườn ở đầu chợ vải. Buổi chiều thì bọn chúng tôi rủ nhau đạp xe đạp qua Đâu Bờ để hứng gió. Tối thì trở về lên đầu chợ ăn kem. Đến nay tôi vẫn nhớ hương vị của những ngày thơ ấu ấy. Tất cả đã chìm trong dĩ vãng.

Đến nay đã hai mươi lăm năm qua, tình quê hương lúc nào cũng nặng trĩu trong lòng. Bạn bè giờ đây mỗi ngã, trôi giạt khắp năm châu bốn bể. Người thì ở Mỹ, kẻ thì định cư ở Canada hay nước Pháp, mình tôi thì ở Úc Châu, nơi có những con Kangaroo kỳ lạ. Một số thì còn ở lại Việt Nam. Ước ao có một ngày nào đó, cả bọn chúng tôi sẽ có dịp gặp nhau trên quê nhà Trà Vinh, để cùng ngồi lại ăn chung tô bún nước lèo, uống chung ly nước đá bào như thuở nhỏ để cùng nhau ôn lại những kỷ niệm khó quên của những ngày xưa thân ái! Oi! Tình đồng hương Trà Vinh chan chứa và bất diệt là đây.

Trần Xuân Nguyệt
(Xuân Bình Tuất)



CÂU ĐỐI TẾT

Đồng hương đoàn kết tình thân ái

Trà- Vinh tên ấy mãi còn ghi

* * * * *

*Tan Niên, Tan Vạn Tan Phú Quý
Tán Nhật Tán Nguyệt Tán Bình An*

Câu đối Tết của Cụ Trần Xiều

Kính Chúc Đồng Hương Trà Vinh

sang năm mới

Đoàn Kết, Phú Quý và An Khang

LÀM SAO MÀ QUÊN ĐƯỢC

Tôi ở Canada
một quê hương trù phú bao la
đất rộng người thưa
có người dân hiền hòa
có bốn mùa: bốn màu thay đổi:
Đông xám, Thu vàng, Hạ đỏ, Xuân xanh
Có sông , hồ, suối trong, biển cả,
sóng nước mênh mông
đất lạnh tình nồng
như lời người ta thường nói
Cũng đã đi thăm rồi, Paris,
Kính thành sáng chói
Tòu Eiffel ngạo nghễ
Sông Seine, yêu kiều tình tứ,
như.. nàng mỹ nữ, hay cung phi..
Đây là Ý-đại-lợi với Rome, rất uy nghi
Venise, diễm lệ, mơ màng
Đây Virginia,
Loves land, đất tình nhân nồng nàn
Washington D.C
Mùa xuân tới có hoa anh đào rộ nở
Nhưng.. ..
Chắc không bao giờ mình hết nhớ
Tràvinh, hai mùa mưa nắng
chón cũ thân yêu
có dòng sông nhỏ
êm ả chiều quê
hàng dừa, cau nghiêng bóng
trăng sáng soi bên thềm,
cánh đồng mạ non xanh, chạy dài mút mắt,
con diều nào chao lượn, khoảng trời cao
Ngọt làm sao bánh canh cá lóc
Bún nước lèo, nghi ngút, đượm tình quê
Bánh ống Tràvinh, ngọt ngào mùi lá dứa
Những thứ đó, làm sao mà quên được ?
Chớ phải chi.. .. giòng thời gian.. .. trôi ngược,
Đề ta về thăm lại mái trường xưa
Nghe lại lời giảng dạy của, thầy cô
Cũng học, cùng hát.. ..
với năm ba bạn bè cũ,
Sẽ thăm lại hai hàng me cổ thụ
quanh năm đổ lá, đứng lặng câm,
ngày bốn buổi,
đón đưa âm thầm,
lũ trò nhỏ, tung tăng chân sáo
Cho tôi được một lần, với người tình ngày đó,
đi trên con đường hun hút, có hàng sao,
thì thăm hay lao xao,
trong những chiều lộng gió,

Xin được một lần, nhìn lại làn khói xám,
từ những con đò, vương vấn ở bên sông !
Ôi ! làm sao quên cho được, nhớ mênh mông.. ..
tiếng võng đưa, bà mẹ trẻ, phía sau nhà
giọng ầu ơ, nghe sao buồn quá đỗi !
Được một lần , rộn ràng, với những phiên chợ Tết,
một bánh chun xanh
một nhánh mai vàng,
một dây pháo đỏ.. ..
đón nàng Xuân, rực rỡ, Xuân quê hương !
Ghé thăm chị Hai, má con Cúc, con Phương
một nắng hai sương lam lũ cả đời
com không no, áo mặc không đủ ấm..!
Thăm chị Ba, người cùng xóm, chứ đâu xa,
Tôi biết, anh Ba, chiều xưa đã bỏ nhà,
Bỏ vợ con, anh đi theo chân .. Đàng !
một mình chị Ba, thân cò lặn lội,
nắng sớm mưa chiều
gánh trái cây nặng trĩu đôi bờ vai
con ba đứa, xót xa đời vất vả !
Tràvinh ơi.. .. bao kỷ niệm là đó
Lời đá vàng. :
Tôi nhớ mãi.. .. ngàn năm..

Võ Thị Đông Mai



Có địa ngục :

- Má à ! Con không chịu lấy Anh Tâm đâu, Anh ấy là người chẳng có tin gì gi hết, kể cả địa ngục.
- Con cứ lấy nó đi, Má bảo đảm sau khi về sống với con chừng ba tháng là nó sẽ tin là có địa ngục ngay !

Thăm Xứ Chùa Tháp



Lâm Thanh LTH

Đoạn ghi sau đây nhằm giới thiệu sơ lược về một vùng đất rất đặc biệt có một không hai của nước Việt Nam mà tôi xin gọi là Xứ Chùa Tháp, đó là đất Trà Vinh mà trước đây từng được kêu là Vĩnh Bình. Vùng đất Sóc Trăng cũng có sắc thái tương tự, nghĩa là cũng có nhiều chùa tháp với nhiều người Khmer sinh sống, nhưng không đậm nét bằng Trà Vinh. Ở đây cũng có các tôn giáo khác như Thiên Chúa, Tin Lành, Phật Giáo Việt Nam, Cao Đài, Hòa Hảo, Hồi Giáo, v.v. đủ hết, nhưng không phải là đề tài của bài ghi này. Đây chỉ chú trọng phần Chùa Khmer.

Xin quý vị đừng hy vọng sẽ được đọc một bài khảo cứu, mà chỉ coi đây là phần dẫn nhập hay gợi ý cho việc nghiên cứu và sưu khảo xa hơn, đòi hỏi nhiều thời gian, công phu, nhiều tài liệu cũng như nhiều dữ kiện cụ thể. Hoàn cảnh khó khăn hiện tại chưa cho phép tôi hội đủ những điều kiện đó. Duy có điều tôi có được một lợi thế là được sanh ra và lớn lên ở trong sóc, tức là sống giữa lòng đồng bào Khmer. Vì thế, phần viết ngắn này trước hết nhằm ghi nhận lại những điều từ trí nhớ, từ mắt thấy tai nghe, nói chưa theo sách nhưng mách có chứng. Những tấm hình kèm đây là những bằng chứng sống. Phần trình bày sẽ được gom vào mấy tiết mục như sau:

Giới thiệu Trà Vinh (Vĩnh Bình).

Giới thiệu đồng bào Khmer.

Giới thiệu chùa Khmer.

Lan man lời cuối.

1. Giới thiệu sơ về Trà Vinh (Vĩnh Bình)

Sông Cửu Long nổi tiếng thế giới. Châu thổ sông Cửu Long ai cũng biết, nhưng thường được nhìn qua nét ngoài của Mỹ Tho, Vĩnh Long, Sa đéc, Cần Thơ. Trong số 9 tỉnh đơm quanh con sông 9 cửa này, chỉ có tỉnh TV là ít ai lưu tâm muốn biết. Lý do chính có lẽ là do trục đường, nằm trong ngõ cụt. Thứ hai là người TV ít nói. Và nhiều lý do khác nữa. Nhưng thực ra TV có nhiều đặc điểm gần như tương phản lại những gì nhìn thấy dọc quốc lộ 4 (nay đổi tên là Quốc Lộ 1A).

Dù là hòn đảo lớn nhất nằm giáp biển và được bao bọc bởi 2 nhánh lớn nhất, Tiền và Hậu, của sông Cửu, nhưng TV không phải là xứ vườn như Vĩnh Long, Sa đéc. Trà Vinh nổi tiếng về ruộng lúa. Vườn cây trái ở đây chỉ trái dài theo 2 sông Cổ Chiên và Bassac hay những nhánh sông lớn. Vạt đất hình cánh cung giềng theo bờ biển Ba Động rừng là nước mặn, chen lẫn những cồn cát nhỏ không được phì nhiêu lắm. Hai thế đất nói trên chỉ chiếm phần nhỏ diện tích toàn tỉnh. Còn lại khối lớn nhất ở giữa như cái nhum thì toàn là ruộng và giồng. Đây mới chính là nét đặc thù của địa lý TV. Ruộng lúa thì menh mông, lúa gạo thơm ngon, xứng đáng là 1 trong những bầu sữa của cả nước. Về điểm này TV có nét tương đồng với vùng đất Sóc Trăng hơn. Giồng là hậu thân của cồn cát duyên hải, là vùng đất cao, ít rạch ngòi, ít rừng, nếu có rừng thì toàn là cây cao bóng mát, rậm rì. Du khách khi tới ngưỡng cửa tỉnh lỵ sẽ thấy ngay nét rừng dầu sao TV, không ngờ rằng ở vùng đồng ruộng mà lại có rừng như vậy. Vì đất đã thuần và vững chắc từ lâu lắm. Do đó có thể nói TV là vùng đất ổn định, với nếp sống bình lặng nhất từ ngàn năm về phương diện địa chất, nhân văn và chánh trị. Không có cảnh bê dâu của Ốc Eo, Đồng Tháp Mười, hay đất Mũi, không có cuộc di dân khai hoang ồ ạt từ Đàng Ngoài, vì đã có người định cư từ trước cuộc Nam tiến. Không có chuyện chiến tranh tàn khốc gần diệt chủng như ở Qui Nhơn Nha Trang xưa hay việc tàn sát ở Đồng Nai Đê Ngạn gần hơn trong sử. TV vững như bàn thạch, thoát khỏi hầu hết những thiên tai lẫn nhân tai. Bởi thế, nó không có nét ‘Văn minh miệt vườn’ như ông Sơn Nam mô tả đầu đó, nhưng có thể mượn chữ mà kêu đây là vùng “*Văn minh miệt giồng*”.

Theo ký ức sót lại từ tuổi học trò, thì ai cũng biết TV là một phần của nhượng địa Tầm-phong-long, cũng như đất Tầm Bôn xưa, do vua chúa Khmer nhượng lại. Xin mở ngoặc, Tầm bôn tiếng Khmer có nghĩa là Phưong Nam. Tầm phong long, phát âm trại đi của tiếng “Kompong Luon”. Kompong là bãi, bến,

cảng. Lươn (hay Lượng nói theo Khmer Krôm) thì có nghĩa là thuộc về vua chúa. Quả thật nhánh Tiền giang có lắm bến cảng xứng đáng. Tại Miền Nam, có hàng chục tỉnh còn mang tên Khmer, như Mỹ Tho, Sa Đéc, Cần Thơ, Sóc Trăng, Cà Mau, Châu Đốc chẳng hạn, trong đó có Trà Vinh. Cái tên này đã có trên 6 thế kỷ rồi, gắn liền với huyền thoại về việc xây dựng ngôi chùa xưa mà nay vẫn còn, ngay tỉnh lỵ. Khi đào ao lấy đất làm nền chùa thì bỗng thấy tượng Phật trời lên, thỉnh vô chùa thờ. Phật, tiếng Khmer là Prăh. Cái hồ, cái ao thì kêu là Trapăng. Vùng đất linh thiêng được đặt tên là **Prăh-Trapăng**. Tức là Ao Phật! Thời Chúa Nguyễn và Gia Long kêu trại ra là Trà-Vang, chỉ lấy tiếng Trapăng, bỏ tiếng Prăh. Tây vô viết phiên âm thành Travinh. Quốc ngữ viết lại thành TràVinh.

Qua bao thăng trầm của lịch sử, tên TV vẫn giữ y (ngoại trừ thời TT N.Đ. Diệm đổi thành Vĩnh Bình). Về hành chánh thì xưa có 9 quận, tới thời quân trị thì vì nhu cầu lập tỉnh mới là Sa Đéc, cắt một phần từ Vĩnh Long ra, rồi cắt một phần Vĩnh Bình bù lại cho VL, nên TV bị mất đi 2 quận trù phú nhất, đó là Trà Ôn và Vũng Liêm. Hiện nay có 7 quận, kể từ Bắc xuống Nam là Cầu Kè, Càng Long, Tiểu Cần, Châu Thành, Cầu Ngang, Trà Cú và Long Toàn (nay gọi Duyên Hải). Lúc trước 75 dân số toàn tỉnh trên 650.000, thuộc tỉnh loại A theo tiêu chuẩn thời đó. Ngày nay, với diện tích 2.368Km², dân số theo thống kê của chánh quyền đương thời là 1 triệu.

Trước năm 75, ông Huỳnh Minh, cần cù cỡi chiếc xe Mobylette, về các tỉnh thực hiện nhiều cuộc sưu khảo một số tỉnh dù có tính cách cá nhân nhưng đã để lại nhiều cuốn sách thật giá trị. Riêng Tỉnh Vĩnh-Bình thời ấy thì được nhóm chuyên viên biên soạn thành sách tài liệu gọi là **Địa phương Chí Tỉnh Vĩnh Bình**, mà sau 75 vài vị quan chức CM tỉnh phải công nhận là công phu và giá trị vì nó ghi lại đúng tới 95%. Lâu nay, tập địa phương chí đó chỉ được Cơ quan an ninh giữ riêng, không phổ biến, không hiểu có ẩn ý gì.

2. Đồng Bào Khmer Tại Trà Vinh.

Có nhà báo nào đó hồ đồ bảo rằng TV có người Việt đông nhưt rồi tới người Hoa và sau cùng là người Khmer chiếm thiểu số nhỏ nhưt. Điều này chỉ đúng với riêng tỉnh lỵ (nay gọi là Thị Xã). Đi xuống quân lỵ thì đã thấy khác. Nhìn tổng thể thì tỷ lệ đó hoàn toàn trái ngược lại. Thời Pháp có thống kê nói họ có khoảng 600.000 người. Tôi đã đọc quyển Địa Phương Chí VB, còn nhớ rõ trong đó ghi người Khmer chiếm hơn 65% dân số toàn tỉnh. Kế đó là người Việt. Còn người Hoa thường thấy nhan nhản ở các cửa tiệm giữa phố chợ, coi xôm tụ vậy mà chỉ chiếm tỷ lệ rất nhỏ. Ai chịu bỏ công chạy xe gắn máy về làng thăm dân thì tới đâu cũng sẽ thấy ngay tỷ lệ thật của dân số Khmer,

một điều mà khách sẽ hết sức ngạc nhiên khi đi thăm TV lần đầu. Vấn đề khó khăn là lấy những tiêu chuẩn thế nào để làm cuộc thống kê. Cái Họ chánh của người Khmer thường là Kim, Kiên, Thạch, Sơn, Danh, rồi tới vài họ nghe quen quen như lai, đó là Lý, Nhan, Châu, Phương, v.v. (Đặc biệt ở Tây Ninh có người Campuchia thuộc Khmer loh mang họ Cao, thật đông; lý do là họ chạy qua theo đạo Cao Đài nên Đức Hộ Pháp cho họ mang họ Cao). Thật khó chính xác nếu dùng cái họ để phân chia chủng tộc vì TV có nhiều người lai. Tàu lai Khmer gọi là “đầu gà đít vịt”. Còn Việt lai Tàu, Khmer lai Việt nữa. Tỷ số người lai có thể trên 10% lại thường dễ bị phát phơ theo chiều gió. Ví dụ như bị áp lực lý lịch để thăng tiến, cho sở làm hay nhiều lý do khác, nhiều người Khmer phải bậm gan khai mình là dân tộc Việt. Do đó con số về đồng bào Khmer cứ giảm dần. Chính vì cái biên giới mơ hồ đó mà ngày nay tỷ lệ **đồng bào Khmer** thay đổi tùy theo nguồn tin, có tài liệu cho rằng gần 50%, tài liệu khác ghi chỉ có 28% (?). Đó là vấn đề khách quan cần làm sáng tỏ hơn. Ngoài ra, người ta vẫn còn nuôi nhiều định kiến gây nhiều phân hóa hơn là đoàn kết như thường hô hào. Đã sinh ra và sống trong sóc Khmer và từng lợi nhiều trong tỉnh, tôi có vài nhận xét trái với những thành kiến tai hại đó.

a. Trước hết, đồng bào Khmer không hung dữ. Trái lại họ rất hiền hòa, thật thà chân chất, khoan dung và hay làm phước. Họ hiền gấp mấy lần dân quê người Việt. Mở miệng ra là họ niệm Phật. Vì lý do tuyên truyền mà người ta đã từng nói họ hung dữ, có hành động “Cáp Duonn” rồi thêu dệt ra đủ thứ với ẩn ý chánh trị. “**Cáp**” là chặt, chém. “**Duonn**” là người Việt. Vác dao hay phẫn rượt chém, chứ không có nghĩa suông là chặt đầu. Giống như mình vác dao phẫn tâm vong vạc nhọn rượt Tây vậy thôi. Xin đừng nhắc lại và thôi phỏng việc đó để gây thêm mặc cảm cho cả 2 bên. Thật sự đó là phản ứng tự nhiên và cũng vừa phải của thành phần mang mặc cảm truyền kiếp, tổ tiên bị hiếp đáp quá mức bởi quan “**Vương**”, vua chúa Việt Nam, nhưt là từ thời Thiệu Trị, Tự Đức.

b. Thứ hai là xin đừng nghĩ là họ nghèo, bản cùng cơ cực. Điều này được thôi phỏng theo cái gọi là “Sài Gòn phồn vinh giã tạo” với dụng ý gì đó. Sự thật, họ là điền chủ cha truyền con nối. Nhà cửa cao ráo khang trang chớ không lụp sụp như nhiều người tưởng. Không bao giờ có cảnh điền chủ tá điền trong kịch tuồng hay tiêu thuyết tuyên truyền nghe đến nhảm tai, mà họ sống rất hài hòa trong tình tương thân tương trợ cao nhất nước Việt Nam. Tôi sẽ nói rõ hơn ở phần sau. Chỉ sau này, vì việc tái phân phối rồi tới tập thể hóa đất ruộng, họ bị mất đất, thì một số người mới lâm cảnh lầm than. Tuy nhiên, họ vẫn không đói, com

vun chén ngày hai bữa như tự ngàn xưa. Nói họ nghèo thì chẳng khác nào bảo Sài Gòn thiếu chén ăn cơm. Nghèo thì có tiền đâu cất và tu bổ cho mấy trăm ngôi chùa đẹp như nước như vậy?

c. Thứ ba là đừng cho là họ kém thông minh, dốt nát ít học, coi họ như **dân tộc ít người** giống như một số nhóm khác vùng núi. Kêu họ là dân tộc ít người là đào thêm mặc cảm đã chôn sâu trong ký ức. Tôi thấy mình nên kêu là Đồng bào Khmer, hoặc Người Việt gốc Khmer, vì **“Dân Tộc”** Việt Nam nói chung có rất nhiều **“sắc dân”**, như Mường, Thái, Bahnar, Rhadê, Êđê, Sêđang, Chàm, Hoa và Khmer. Tất cả các sắc dân đó gộp lại là đồng bào, là **Dân Tộc Việt**. Còn tiếng “Dân tộc Kinh” là gì? Chắc phải cần nghiên cứu lại cho tường tận hơn vấn đề phức tạp này. Về đồng bào Khmer, đâu gì thì cái gene của con cháu những vị lập nên Angkor Watt cũng còn ít nhiều trong dòng máu họ, cho nên sự thông minh của họ cũng cần đánh cho khoa học và khách quan hơn. Trong thực tế, đã từng thấy thời Quốc Vương Sihanouk, nhiều vị từ Trà Vinh đã qua Nam Vang làm việc ở cấp Trung Ương, làm tới Thủ Tướng, Bộ Trưởng. Những tên tuổi như Sơn Ngọc Thành, Sơn Sann, Sơn ngọc Minh, Iêng Srêy, v.v. đã vượt biên giới. Còn những vị khác cũng danh vang một thời trơng tình như Thạch lang Sa, Châu tử Liên, Kiên Chăng, Kim Mouny, Phương văn Nhơn vân vân, từng là dân biểu, sỹ quan cấp tá làm đầu tỉnh, đầu quận và nghị viên thời trước.

d. Thứ tư là đừng tưởng tượng **“sóc”** đồng dạng với **buôn** trên cao nguyên. Sóc do tiếng Sróc mà ra. Có nhiều nghĩa lắm, là lãnh thổ, là xứ, là xóm.v.v.tùy theo chỗ trong câu nói, sróc Khmer là xứ Khmer, Sróc Chênh là xứ Tàu, Sróc Duôn là xứ Việt, Sróc Khlăng là xứ dữ dằn, v.v.. Ở trong Sróc tức là ở vùng quê. Nhưng **“Sóc Khmer”** hay sóc Miên dùng ở đây lại có nghĩa khác hơn như vừa nói, nó có nghĩa vùng quê, xóm quê, **làng quê** mà trong đó có nhiều người Khmer sinh sống. Chưa chắc làng quê Việt đẹp hơn sóc Khmer. Cho nên xin gạt bỏ thành kiến mà đi vô sóc chơi coi ra sao. Tôi từng dẫn một bạn người Quảng Nam về sóc tôi chơi. Ông bạn bắt ngựa. Đây là những con giồng dài thăm thẳm với hàng tre thẳng tắp, với con đường cát thềm thang nằm gọn giữa những cánh đồng ruộng lúa mênh mông. Nhà ở khang trang, cách khoảng xa nhau, và ngăn chia bằng những dãy tre xanh mát rượi làm hàng rào, ranh giới giữa ruộng này và ruộng khác, ngăn nắp qui củ như có tự ngàn năm. Cái lũy tre làng ngoài kia có vẻ gò bó, chật hẹp, nhốt đông gia đình trong đó. Sóc Khmer, cởi mở, thềm thang, không có lũy tre chung và cổng làng nhốt kín, ai muốn vô ra tùy thích. Ngoài con đường cái xe hơi chạy được, dọc bên trong có nhiều đường mòn ăn

thông qua các ruộng đất với nhau, ít khi rào lại ban đêm, dành cho xe đạp và xe gắn máy, dân quê tôi gọi là đường trong. Lại còn thêm nhà ở cheo leo giữa đồng, nhà nằm bờ sông, hoặc rải rác đó đây phân tán không vô khuôn như làng cổ ngoài kia mà sóc vẫn an ninh, thoải mái vô cùng. Miệt vườn cũng có xóm ấp kiểu vậy.

e. Còn nói về hình dạng, dáng vóc con người, thì họ không có bàn chân giao ngón, không đi hai hàng chềng bẹt chữ bát, mặt hơi vun chớ không trệt, mắt đen to, mi dài mày rậm, gàn giống mắt người Aên, chớ không ti hí mắt lươn hay xéch ngược lên trời. Nước da họ thì nâu nâu mà trắng cũng rất nhiều, đẹp sắc xảo hơn dân mình. Trước đây nhiều vị ở nơi khác đến Vĩnh Bình làm việc đã mọc rễ luôn cũng vì gái Khmer hay gái lai của TV.

Từ cái nhìn nói trên, thấy sóc Khmer thường ở giồng và làm ruộng, còn người Việt ở sông. Đó là nét đặc biệt khác mà có thể giải thích như sau. Vùng đất giồng cao ráo, sạch sẽ, dễ khai thác, dành cho người tới trước. Vùng đất đó chạy dài từ quận Càng Long, Tiểu Cần, Châu Thành, Cầu Ngang tới Trà Cú. Tóm lại cái khối như ở giữa có nhiều sóc Khmer như. Ngược lại người Việt ở đơm theo sông ngòi và bờ biển. Lý do là mình đến sau, chèo ghe từ xứ Huế xứ Quảng vô, tấp vào bờ biển, bờ sông hoang vắng, rồi ra công khai quang lập ấp, sau đó theo chân quan quân thăm thâu vô đất liền thành lập phố chợ vây quanh cơ sở hành chánh. Có thể họ gồm có dân tứ chiếng, tướng quân của phe bại trận, nạn nhân của kỳ thị tôn giáo.v.v cho nên những xóm Việt này nhìn kỹ, sẽ thấy có nhiều nét khác nhau về tôn giáo, nghề nghiệp và cả tiếng nói nữa. Dân miệt Cần nhiều người có giọng nói lai Quảng Nam không biết bao nhiêu đời. Đó là điều lý thú. Vùng sát sông Láng Thè, vùng Cầu Quan thì có nhiều người theo Công Giáo. Vùng Mỹ Long chuyên sống nghề đánh cá. Nói tóm, miệt Cần Ngao, Bến Đáy, Bãi Vàng, Láng Thè, cù lao Long Hòa (cặp sát Cổ Chiên), và miệt Cá lóc, Long Vĩnh, Cầu Quan, Trà ôn (Năm ven Hậu Giang) là nơi có tỷ lệ người Việt thuần rất cao. Còn cặp ven biển, vùng Long Toàn, là nơi có người Việt thuần túy đông nhất. Thay vì thiên về đồng ruộng như người Khmer, người Việt ở các vùng vừa kể làm nhiều nghề hơn, như làm vườn, đánh cá, làm cũi, làm muối, v.v. Họ phần đầu và bon chen mạnh hơn, chịu đi học để làm quan làm thầy nhiều hơn, nhân tài phần lớn xuất thân từ vùng đó. Người TV đã từng làm việc cấp trưởng trong Hành Pháp, bộ Trưởng Chánh phủ, cấp trưởng Thượng Viện, Dân biểu Hạ Viện, sỹ quan cấp tướng, chuyên viên, phi hành gia, nghệ sỹ lừng danh, và đặc biệt là nhà Bác Học Nguyễn Đạt Xường tầm vóc hơn gs Bửu Hội mà gia đình ông ở TV vẫn nín khe. (Xin mạn phép kể tên

một số người TV: L/S Nguyễn Văn Huyền, L/S N.P.Đại, Tướng Trần thanh Phong, B/S Nguyễn Lưu Viên, Tướng Nguyễn Khánh, D/B Ngô công Đức, Cụ Huỳnh văn Lang, Phi hành gia Trinh, v.v.). Và gần đây, vị cựu Thủ Tướng và Bộ Trưởng Giáo dục & Đào tạo đương thời của Chánh quyền hiện tại cũng là người TV.

Dù gì nhóm người Khmer vẫn ở trên đất của họ từ ngàn xưa mà nay thuộc về lãnh thổ Việt Nam, họ vẫn sống hòa đồng và chịu ảnh hưởng qua lại Việt-Khmer, biến TV có nét đa văn hóa ôn hòa hiếm hoi trên dãy đất hình chữ S. Họ như là bị kẹt lại, bị tách rời với đất mẹ, sống như là người Việt thuần thành rất dễ thương dễ mến. Sự thành lập đất TV và Sóc Trăng xưa có thể là do những vị tiểu vương, bất hòa với triều đình, rồi phân quyền chia đất, là anh hùng tứ chiếng, ra đi với tinh thần phấn đấu và tự lập giống con cháu Chúa Nguyễn. Tuy nhiên họ vẫn giữ cái cốt cách dân tộc Khmer với nét đặc biệt là sùng Đạo Phật. Cứ đến sống với họ, sẽ nghe họ kể, rất nhiều, đặc biệt là về dân tộc Stiêng, Phnôm.v.v thuộc sắc dân thiểu số của Campuchia. Dân Phnôm có phải bị ông Tàu kêu là Phù-Nam, một thời oanh liệt như Champ, nay đã thành thiểu số quá nhỏ đến nỗi nhiều người không biết người Phù Nam ở đâu? Văn hóa xưa của họ đã để lại chuyện Tấm Cám, Thạch Sanh Lý Thông. Quý vị sẽ nghe họ nói tiếng Môn-Khmer, (gốc Mã-lai) mà có học giả cho là có tới 30% tương tự tiếng Việt mình. Họ gọi cái tay là đay, cái chân là chơn, cái nhà là tạ, cái áo là ạo, cái quần là khô, tóc là xok, nước là túk, chơ-ni là chỗ này chỗ ni, chơ-noh là chỗ kia chỗ nớ, v.v. Quý vị sẽ nghe họ gọi tên nhiều địa danh miền Nam mà mình còn giữ. Họ gọi TV là Prăh Trapăng, kêu Châu đốc là Mott Choruc, hay Choruc. Chơ-Ruc # Châu Đốc. Vùng U mình được họ gọi là Tuk-Khomau. Tuk là nước, Khomau hay Khmau là đen. Khor-Mau # Cà-Mau. Sroc Khlăng # Sóc Trăng. Mê Sô thành Mỹ Tho. Psa Đec thành Sa Đéc, vân vân... Riêng trong tỉnh TV có hàng trăm thôn xóm có tên Khmer mà người Việt tại đây vẫn trân quý giữ và phát âm trại đi. Đó là tiếng Việt gốc Khmer rất đặc biệt, chỉ TV mới có. Xin ghi lại sau đây một số địa danh, và thay vì viết chữ hoa, ghi chữ thường cho dễ:

Trà Vinh, trà cú, trà kha,
Trà cuộn, trà sắt, trà tro, mặc dòn.
Châm ca, chăng mật, tầm rôn,
Sâm bua, sóc thác, ô đùng, tầm phương,
Ô trao, ô chít, qui nông,
Ô răng, ô chất, cà tum, lò ngò,
Chong vắn, chong bát, chong so,
Phiêu, trà kháo, bắc-sa-ma, nô rề,
Bà dam, trà trót, tha la,
Dâm ray, cà tóc, kỳ la, thị rôn,

Thăm đũa, ba tục, cà hom,
La bang, ba sát, xà dân, sóc len.
Hàm giang, ba cụm, nô men...
Người đi, bỏ lại “mình ên” em chờ...

Người Khmer nói chung, chia ra làm 3 phần (tương đối) với 3 giọng nói hơi khác nhau (như kiểu Huế, Sài Gòn, Hà nội) và theo tiêu chuẩn địa dư. Dân sống vùng Tâm-bôn phương Nam, trong đất Nam Việt, thì kêu là **Khmer Krôm**. (Krôm là miệt dưới). Người sống vùng cao nguyên phía Đông như Stung trện, Kra tiê gọi là **Khmer Loh** (loh: trên, vùng thượng). Còn dân Nam Vang và vùng Tonlésap (Biển ngọt) là **Khmer Kandal** (Giữa). Người Khmer Krôm Trà Vinh có giọng nói khác giọng Nam Vang, và hơi nhẹ giọng hơn **Sroc-Khlăng** (Sóc Trăng), như Sài Gòn với Huế, vd: Cà bêy si srâu (TV) so với Càbêy si srâu (Sóc Trăng), có nghĩa là con trâu ăn lúa.

Nhân đây xin có vài dòng về người Hoa ở TV. Họ cũng chia ra 2 thành phần khá rõ. Một nhóm rất nhỏ, thường ở phố chợ, mần ăn buôn bán, có tiền đem giấu bên Hồng Kông, Singapor, chẳng có yêu thương nơi họ ở, chẳng giúp đỡ người chung quanh, nói tới từ thiện giúp người Việt mình là họ dầy nầy, ra đi bỏ Việt Nam không hề thương nhớ, cần thì họ khoe là Việt tị nạn, không cần thì họ tự xưng là Chinese. Họ miễn cưỡng học nói vài tiếng Việt. Họ chống đối bà con họ đi làm công chức, sỹ quan trong chính quyền mình ngày trước. Không bao giờ gả con cho người Việt. Đồi lại, đại đa số đồng bào Việt gốc Hoa khác rất dễ thương. Kêu họ Cắc Chú, Tàu, Ba Tàu, hay chú Chêch gì họ cũng vui vẻ. Họ tự hào được làm công dân Việt Nam. Nhóm người này thường sống ở trong làng, trong sóc. Họ thương nơi họ sinh sống còn hơn chính người Việt mình. Họ nói tiếng Khmer, họ học chữ Việt, có người rất giỏi văn thơ. Họ không từ nan chuyện kết hôn với Việt hoặc Khmer, có lòng từ thiện, tánh bao dung cởi mở. Dễ thương lắm. Quý vị đã biết con cháu Mặc Cửu, từ Hà Tiên qua tới Rạch Giá, Bạc Liêu. Mời quý vị về TV mà coi, đi xuống Cầu Ngang, Trà Cú mà quan sát, quý vị sẽ có nhiều ngạc nhiên.

3. Giới thiệu chùa Khmer.

Sở dĩ tôi dám đặt tên cho TV là **xứ chùa tháp** là vì nhiều lý do:

- về số lượng chùa,
- về niên đại,
- về kỹ thuật và nghệ thuật kiến trúc.
- về mọi sinh hoạt liên hệ đến chùa.

May mắn được định cư trên vạt đất cao an toàn mà lại sát biển cho nên ngàn năm chưa biết bão lụt, khí hậu ôn hòa, ruộng đất mênh mông, sông nước ngàn trùng, cuộc sống an nhàn, nên đồng bào ở đây thường hưởng

tâm hồn cao sâu vào cuộc sống tâm linh và nghệ thuật, tạo thành nếp văn minh miệt giông hiểm thây.

a. **Số lượng chùa .**

Trà Vinh có số lượng chùa lớn nhất trong các tỉnh Miền Tây Nam Phần, thậm chí so với một tỉnh thuộc Campuchia. Đây là những chùa Phật phái Tiểu Thừa. Vùng Sóc Trăng có chưa tới 100 chùa. Trong khi đó, theo số lượng xưa mà cụ Huỳnh Văn Lang ghi lại trong tập Truyện Đường Rừng, thì tại TV, cũng là quê hương của cụ, từng có gần **300** ngôi chùa Khmer. Cứ làm con tính nhẩm, mỗi chùa chăm lo cho 1 ngàn người già cả lớn bé, thì hỏi đầu thế kỷ trước tỷ lệ đồng bào Khmer là bao nhiêu, so với dân số toàn tỉnh TV lúc đó chỉ chừng non 400.000. Hiện nay, theo tài liệu bên nhà thì vào năm 2000 TV có **141** ngôi chùa còn tốt và đang hoạt động. Tôi có về thăm và cố gắng điếm danh một số chùa thì thấy hàng chục ngôi chùa đang tái thiết trên nền cũ hay xây chỗ mới. Vậy nên tôi dám quả quyết TV bây giờ có trên **150** ngôi chùa tháp. Quý vị sẽ không ngờ rằng chỉ trong diện tích đất có 10Km đường kính bao bọc quanh tỉnh lỵ đã đếm được hơn **20** ngôi chùa. Từ Vĩnh Long xuống sẽ thấy chùa Ba si, Ba se, Ấng, Bến có, Bà Om (mới xây xong), Nguyệt Hóa. Bên trong xa một chút có chùa Hòa lạc, Sâm bua, Châm ca, Sóc cục, Sóc Thác, chùa Phướng. Từ tỉnh xuống Cầu Ngang sẽ thấy chùa Kỳ la, Đầu bờ (chùa Giũõa), chùa Ô, Qui Nông, Chòm hóm. Theo ngõ về Trà Cú thì có Chùa Dưới (Tri Tân đường dưới), Mặc Dồn, Chùa Hang (hay chùa Dơi), Đa Lộc, Sóc Nách, v.v. Ngay trung tâm tỉnh lỵ thì có chùa ông Mেক. Quận Trà Cú có đông chùa nhất với khoảng 45 ngôi mới cũ, kể đến Cầu kè có 30, xếp hạng sau đó là Châu thành, Cầu Ngang, Tiểu Cần, Càng Long. Vùng Long Toàn không có gì đáng kể, vì đó là đất mới, thuần Việt.

b. **Về niên đại.**

Căn cứ vào niên đại của vài ngôi chùa cổ, quý vị sẽ có được cái mốc điểm nghiên cứu tìm hiểu thêm về việc định cư và nền văn minh có vẻ lạc loài của người Khmer này. Ngặt nổi, những tài liệu trên bia đá, tượng Phật hay trên cây lá xưa trong chùa ghi bằng chữ Phạn, Ba-li và chữ Khmer. Phải tể nhị lãm mới có thể thấy được mấy vật linh đó. Có chùa thiết lập trước thời Ăngkô Wốt (Angkor Watt), như Chùa Sâm Bua Rặng Sêy ở Trà Kháo, Cầu kè là xưa nhất, lập năm 916 Phật lịch, tức cách nay 1627 năm. Chùa Vũng Liêm và Chùa Bà Om lập từ thế kỷ thứ 9. Đại đa số lập cách nay trên dưới 300 năm. Chùa trẻ nhất tuổi cũng cỡ thế kỷ. Như đã nói đất TV đứng vững như bàn thạch, trong khi Ăngkô Wốt bị quên mất bỏ hoang trong nhiều thế kỷ thì hầu hết chùa TV vẫn tồn tại, vẫn liên tục hoạt động và phát triển. Dân Khmer

vẫn duy trì dòng sống an bình, dòng suối tâm linh thuần khiết cho tới ngày hôm nay. Điều này có làm mình liên hệ nó với thời cực thịnh của Nam Dương, hay hạt mầm nguyên thủy của văn hóa Phù Nam. Để quốc Chân Lạp đã góp phần bao nhiêu? Đó cũng là điều lý thú khi tìm hiểu.

c. **Kỹ thuật kiến trúc.**

Hầu hết các ngôi chùa kiến trúc cùng một kiểu, giống như bên Thái Lan hay Campuchia. Điều đáng nói là khuôn viên và lối thiết trí các cơ sở của chùa. Chung quanh chùa là rừng nhân tạo, gồm hầu hết là dầu và sao, xanh um cao ngất; cả khuôn viên chùa rất rộng, trung bình từ 10-15 mẫu là thường, có cái chiếm tới 20, 25 mẫu. Chùa nhờ vậy rất yên tĩnh, u tịch, biệt lập xa xóm nhà cư dân. Đi trên con giồng toàn tre, khi thấy đám rừng dầu trước mặt là biết sắp đến chùa. Giữa đám rừng co khoảng đất tương đối trống, nơi tọa lạc của hàng chục kiến trúc, gồm có: Chánh điện, nhà ngủ, nhà ăn, hội trường, trường học, nhà kho và những cái tháp chứa tro cốt. **Chánh điện** (gọi là Prăh Vohia) là nơi thờ Phật Tổ, Thích Ca Mâu Ni, xây bằng gạch lợp ngói và tọa lạc trên nền gạch rất cao 1 hay 2 thước, lối kiến trúc rất đẹp, đỉnh nhọn, mái cong. Bên trong Prăh Vohia là một kho tàng nghệ thuật vô giá. Cột gỗ to cả ôm như cột đình, đen mun, cao nghêu. Tượng Phật thép vàng thật to ngồi trên bục cao tới ngực, phía sau là hàng trăm hàng ngàn tượng lớn nhỏ bằng đồng đen, đồng đỏ, có tượng bằng vàng. Có một vị lục cả than rằng thời bây giờ sao bị mất cắp nhiều quá nên đã đem giấu bớt, muốn nghiên cứu chắc phải khó khăn lắm. Chùa nào cũng có hình Bác Hồ thật lớn bên cạnh tượng Phật. Cách xa chánh điện là những kiến trúc khác mà lục gọi là Shla, cũng đồ sộ nguy nga, có dãy còn dài hơn chánh điện, đó là Tha-la chỗ lục nghỉ ngơi, Tha-la dùng cơm, hai loại này thường cất theo kiểu nhàsàng. Còn Nhà khách, nhà văng lai, trường học, kho chứa, v.v. thì cất trệt. Tất cả kiến trúc đều là nhà ngói. Và tất cả đều được trang trí rất đẹp, những tượng hình, phù điêu, hoa văn, trên mái hay trong vòm cửa, trong hoa viên hay ngoài cổng, những ngọn tháp xá lợi, đỉnh nhọn trên nóc, v.v đều là những tác phẩm nghệ thuật khéo léo, tinh vi và tuyệt hảo. Có tượng thần 4 mặt (Brama), thần Rắn (Sheshnag), thần Shiu (Shiva), thần nhiều tay (Vishnu), thần điều, Chăng và đôi chỗ có rồng nữa. Như có sự pha trộn tôn giáo qua các biểu tượng trang trí. Ví dụ như cổng chùa trang trí cái thì có nét Balamôn, Aán Giáo, thậm chí có cái hao hao Hồi giáo. Bản ghi tên chùa hầu hết khắc bằng chữ Bali, có rất ít ghi bằng chữ Khmer. Những nét đặc biệt đó du nhập từ hướng nào? qua 2 cửa sông Cửu Long hay đi từ Angkor Wốt xuống? Hầu hết tất cả những tác phẩm kiến trúc và nghệ thuật nói trên là do con sóc, tức người địa phương tự làm.

Hiện nay tại chùa Hang, cách tỉnh 5km trên đường xuống Trà Cú, có một phòng điêu khắc có trình độ nghệ thuật rất cao. Ai về TV, ghé qua đó sẽ thấy tận mắt tài nghệ cũng như những tác phẩm tuyệt vời của đồng bào Khmer TV. Ngoài điêu khắc, họ còn giỏi về âm nhạc và ca vũ. Hầu hết chùa nào cũng có giàn nhạc ngũ âm, gọi là Khlên-Xiêm (Nhạc Thái), khi nào có nghe nhìn tận mắt họ hợp tấu ngũ-âm một lần rồi quý vị mới phục. Còn những loại nhạc cụ khác họ cũng tự chế tại chỗ như đàn gáo, đàn cò ống tre, khiếm, trống, cồng, chập chỏa.v.v. Họ có lối ca múa, cá nhân hay tập thể rất hay và tự nhiên, cởi mở, già trẻ lớn bé đều ra sân, nhảy bất cứ nơi nào có thể, không nhất thiết là sân khấu. Còn hát tuồng mà họ gọi là Dù-Kê, tức hát có bộ điệu trên sân khấu, thì có từ lâu lắm rồi, và chắc chắn một điều Dù-Kê Khmer đã ảnh hưởng rõ nét nhứt lên Cải Lương của Miền Nam. Trường học của chùa thì có phần dành cho trẻ, có phần dành cho lục để học chữ Khmer hay chữ Ba-li. Trường chùa thì thầy cũng dạy chùa, dạy để làm phước, dạy chữ Khmer lẫn chữ Việt, khỏi lo thất học.

d. Sinh hoạt của chùa.

Hình ảnh các ngôi chùa nói lên nét văn hóa đặc thù của phần lớn dân số TV, tức người Khmer. Chùa đối với đồng bào Khmer là khối óc, con tim và tâm hồn của họ. Hầu hết mọi sinh hoạt của dân sóc gắn chặt với chùa. Chùa, ngoài việc chính làm nơi tu hành, còn là trường học đạo lý, học chữ, là nơi cúng bái lễ lộc tết nhứt làm phước bố thí, là nơi an vị xương cốt người quá cố. Ngoài ra chùa còn cung cấp nhiều dịch vụ, phương tiện sinh hoạt trong xóm đạo. Từ nhà vàng, thuyền rồng trong việc ma chay cho đến giàn nhạc ngũ âm chiến trống mua vui và những đồ dùng cho tiệc tùng. Ai có làm đám thì đánh xe bò vô chùa mượn bàn ghế, nồi niêu song chảo, chén bát không thiếu thứ gì cả. Đặc biệt, ngoài vai trò nhà kho, chùa còn là kho bạc. Những người giàu có đem tiền bạc và vàng vòng vô gửi chùa là an toàn nhất. Chùa không bị đá động và vị Lục cả rất được nể nang. Đồng bào Khmer lúc nào cũng nghĩ tới chuyện làm phước. Ngoài đời họ thường xây rất nhiều nhà mát (gọi là shla, *tha la*) với hình thức nhà sàn, bự bằng 5, 6 cái giường đôi, dọc bên đường, xa xa có một cái, để khách bộ hành nghỉ chân, lúc nào cũng được quét dọn sạch sẽ, đôi khi cũng trở thành chỗ ngủ trưa ngon lành cho đám trẻ chăn trâu chăn bò. Hoặc có ông già chuyên môn vác cuốc đi lên xuống sửa sang đường lộ cát lầy, hay trông từng luống sã dài dài theo lề đường cho ai muốn ăn thì cứ việc ra cắt. Miễn phí cả. Lại có cụ bà chiều chiều tự nguyện vác chổi ra quét lá khô trên đường, làm cho sạch sẽ, mát chân mát mắt khách đi đường. Còn những sinh hoạt gắn liền với chùa thì vô số. Làm lễ búa (xuất gia) cho con trai, sắc (hoàn

tục), ăn tân gia, mừng thọ, đám cưới.v.v tất cả đều có ông lục đến tụng kinh. Gia đình tôi còn thỉnh lục đi cúng Thanh Minh (hình). Đó là chuyện cá nhân, gia đình. Những lễ hội chung thì chùa là nơi ưu tiên. Tết Vô Năm (Chô-chnăm thmây. Chô là Vô, Chnăm là năm, Thmây là mới, nghe in như tiếng Việt?) vào khoảng 15 tháng 4 DL, tất cả dâng cơm vô chùa, làm lễ, nghe kinh rồi tắm Phật. Nước tắm Phật được xem là nước phép, thơm phức hương hoa, hứng đem về làm thuốc. Lễ Đuôn Tà (Cúng ông bà tổ tiên) khoảng tháng 9, cũng vô chùa. Đặc biệt nhất là những lễ Cúng đường, bố thí vào tháng 9 và 10 AL, gọi là mùa **He-Cah-Thinh**, mà đồng bào Việt kêu trại ra là He-Ta-Khumh. Vui lắm. Mọi người đều có thể đến nhà người chủ lễ ăn uống tự do. Làm heo làm bò, vụn bún, cất rạp, trang trí, trống nhạc xôn xao huyên não hơn ăn Tết nhiều. Sau đó, hoặc cùng dâng-bông chùa, tức đội đầu những cây bông có treo tiền hay vàng lủng lẳng, hoặc cùng dâng lễ vật như vải vóc, xà bông, trà đậu, giày dép, v. v. Chủ nhà thì làm phước, **thuor banh**, mời nhiều cặp ông lục đến nhà sal (dùng cơm) và tụng kinh nhiều ngày, mời bà con cả xóm, cả làng đến ăn uống vui chơi. Người tới dự tiệc cứ ăn uống thả giàn, miễn phí, chỉ mang nợ với Trời-Phật. Hình thức trả nợ đó cũng là việc làm phước tùy tâm, tùy khả năng, bằng cách **cháp pho** cho lục. Khách đến ngồi xếp ché he trước lục, đặt lên khai bạc bao thơ tiền cúng đường, gọi là tiền chấp-pho, ông lục sẽ dùng sợi Tom buộc vô cổ tay người cúng. **Tom** là chỉ phép, dây bùa, có thể dùng đeo cổ hay đeo tay. Cúng đường hay chấp pho kiểu này được gọi là buộc tay đám phước. Nói “Đi buộc tay đám phước” phải hiểu là đi ăn tiệc cúng đường, ăn đám phước. (Có cách buộc tay khác nữa là khi đi ăn cưới, khách dùng sợi chỉ phép buộc cổ tay cô dâu, chú rể trong lễ cưới thì kêu là buộc tay đám cưới. Sau đám cưới thì hai cườm tay của hai người sẽ nặng trĩu những vòng chỉ phép, nhiều hơn đeo vòng sơ-men). Quý vị sẽ liên tưởng ngay đến vị Phật tử, Hoàng Đế Ấn Độ xa xưa Asoka Vardhana, thế kỷ thứ tư trước Công nguyên, cũng chiêm vô dịch về cúng đường, và có thể nghĩ tới mối liên hệ ảnh hưởng giữa 2 phong tục tuy xa mà gần, tuy xưa mà mới.

Nói về hệ phái thì ai cũng biết đây là Phật giáo Tiểu Thừa. Họ thờ Phật, nhưng tin có đấng Bê Trên, cao hơn Phật nữa, như kiểu mình tin ông Trời vậy. Cho nên họ hay vái Trời-Phật chứ không tách rời ông Trời ra và phủ nhận Trời như phái Đại Thừa. Họ gọi “ông Trời” đó là Thêu vờ Đa. Phái **Theravada** chủ trương bảo thủ, coi Phật như là một vị chân tu siêu việt, nhưng vẫn giữ triết thuyết nguyên thủy của Phật tử trước Công nguyên. Do đó Theravada còn được gọi là Phật Giáo Nguyên Thủy. Rồi sau đó, khi có các môn phái khác tách ra, truyền bá đi qua Trung Hoa, tự

xung mình là lớn, tự gọi mình là Đại Thừa và gọi những người đi sát chân truyền của Phật là Tiểu Thừa với dụng ý gì thì đã thấy trong cách xưng hô. Phái Tiểu Thừa, *Hynayana*, đối lại nhóm *Mahayana* (Đại thừa), lại là bước xa hơn của Phái Nguyên Thủy. Người Khmer tự nhận mình theo *Phật giáo Nguyên Thủy*, tức còn xưa hơn Tiểu thừa. Theo tục lệ, con trai lớn đủ 18 tuổi phải cạo đầu vô chùa mặc áo cà sa vàng nghệ, tu ít nhất 2 năm rồi mới hoàn tục, cưới vợ làm ăn. Nếu có căn duyên thì tu luôn càng tốt, hoặc nửa chừng trên 30 tuổi sắc ra cưới vợ cũng không sao. Tu 2 năm cho bản thân, thêm 2 năm là để trả hiếu mẹ cha, tu thêm nữa là theo chân Phật. Người Việt và Khmer gọi ông sư trong chùa là lục, hay ông lục, ít ai gọi sư sai. Chùa nào thuộc xóm đó, như xóm đạo, có phân công rõ ràng. Trưa trưa từng cặp ông lục đi bát (bình bát) tức là khát thực, đi kèm có chú tiểu xách gà-mên dài thòn để đựng thức ăn (hình). Chay mặn gì đều nhận cả. Nhà nhà trước giờ cơm trưa đều bới ưu tiên 2 chén để sẵn trên bàn thờ, chờ lục đến bát. Người Việt ở chung xóm cũng làm y vậy luôn. Mỗi ngày lục sal (dùng cơm) 2 buổi, sáng nhẹ và trưa là chính; sáng thì chùa tự nấu, trưa đi bình bát. Đi khát thực không phải vì lục nghèo hay lười biếng. Đó là tập tục. Cha mẹ gọi con vô chùa để tu thân, để học hành, khi ra đời sẽ trở thành người tài đức giúp mình giúp người chớ không trốn thế sự nhân gian, nên mọi người nuôi lục đầy đủ lắm. Khi tuổi về già người Khmer thường cất cái tốp, mình gọi là am, cốc, bên cạnh nhà hay cùng cất 1 dãy dài bên hông chùa để đi thiếp (hình). Đi thiếp tức là tĩnh tâm, thiền định. Cái tốp là cái chòi nhỏ, rộng bằng chiếc giường đôi, nóc thường lợp bầu hình bán nguyệt, cất kiểu nhà sàn, 4 cột cao cũng chính là 4 chân giường, mỗi tốp chỉ dành cho một người. Hiện tại TV có cái Viện Bảo Tàng Khmer nhỏ nằm cạnh ao Bà Om, do nhà nước tài trợ và quản lý, gần như kiểu quốc doanh, nên cỗ vật và tài liệu còn nghèo nàn. Những ngôi chùa cổ mới là những kho tàng vô giá, là bảo vật của miền Nam, và cũng là một phần của di sản văn hóa nhân loại, rất cần được lưu tâm bảo tồn, đó mới là trọng điểm khảo cứu.

4. Lan man lời cuối.

Trà Vinh may mắn còn giữ lại nét văn hóa bản xứ lâu đời, đặt căn bản trên triết lý Phật Giáo nguyên thủy xa xưa như đã ghi trên. Chắc cũng phải nhờ nhiều nhân lành duyên tốt. Sông Cửu Long phát nguồn từ đất thiêng Tây Tạng, chảy qua những quốc gia thuần Phật tính, để tới cuối nguồn kết tụ tinh hoa lại thành Trà Vinh, tạo thành xứ Phật. Những ngày hôm nay, chúng ta cần có cái nhìn đúng đắn hơn về nét văn hóa TV. Ông bà mình chịu ảnh hưởng Tàu quá nặng, học luôn cung cách trích thượng vô lối của họ, di sản của nền văn hóa bất nhân. Nhà Hán tiêu diệt không nương tay

hàng chục vạn kẻ bại đã đầu hàng trong 1 trận. Coi mọi dân tộc khác là man di, coi Tây Phương là Bạch quỷ. Minh bắt chước họ, kêu kẻ bại là bọn rợ, bọn thỏ, bọn mọi, bọn nguy, mạ lị thậm tệ người thua mình trong cuộc chém giết. Đó là văn hóa bạo lực, bất nhân, thất đức. Thắng người bằng 1 trận chém giết rồi tự cho mình là vô địch luôn về văn hóa, văn minh, kiến thức, chất xám, mọi thứ, bắt kể cuộc sống tâm linh và trí tuệ con người. Coi cái tháp Chàm là đồ bỏ, thua chùa 1 cột tí hơn. Coi Đế Thiên Đế Thích thua chùa Thiên Mụ. Viết giỏi chữ Hán, chữ của Thánh hiền, thì thành đại sỹ phu, làm thầy đời hay Thánh nhân. Nói tiếng Tây lớp bốp thì tự coi mình là văn minh xuất chúng, coi dân An nam là thấp hèn. Ông Trung Quốc, Ông Liên Xô, thằng Ngụy. Có người lại đặc ý với giả thuyết cho rằng người Việt là hậu duệ của giống Mongolois, chuyên sống du mục, lấy sức mạnh làm triết lý, viết sử bằng chiến công cướp của cướp quyền, thay vì bằng văn hóa, kinh tế, chính trị.

Qua kinh nghiệm đó, có cần nhìn lại ta bằng cách nào khác không?. Không thể nhìn rõ mình nếu chỉ dùng cái lăng kính của Hán, hoặc cái kính màu của Tây thực dân. Có nhiều bậc thức giả của mình đã quen làm kiểu đó, nhìn mình bằng con mắt phiến diện của kẻ khác. Rồi bắt chước họ đủ thứ. Mình thích tụng kinh Phật bằng phiên âm Hán tự. Những câu chú Aán Độ mà phát âm theo Hán thì làm sao linh. Mình chế ra nhiều thần thánh gốc Tàu để mỗi đêm được đốt hơn chục cây nhang, cắm khắp ngõ ngách trong nhà ngoài sân. Bây giờ đã có người đi học chữ Ba li. May ra sau này mình sẽ khám phá thêm nhiều điều lạ về mình nhờ cái nhìn từ góc cạnh khác, đỡ nhuộm màu Hán hơn, từ đó dễ tìm ra con đường tự chủ tư tưởng hơn. Miền Nam có nhiều vùng đông dân Khmer như Châu Đốc, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Rạch Giá, nhưng điển hình nhất là Trà Vinh, mà ảnh hưởng văn hóa hiền hòa của họ không thể phủ nhận được. Đóng khung trong việc khảo sát hạn hẹp, thú về Miền Tây thăm lại Trà Vinh, và khảo sát theo một cung cách và phương pháp nào đó có tính cách cụ thể, để coi có tìm được gì hay hơn, bổ ích hơn cho văn hóa nước nhà hay không.

Kính mời./.

Lâm Thanh, 7/ 2006.

Ghi chú về các hình ảnh:

- Hình 1: Chánh điện kiểu có tháp trên nóc. Chùa Thăm Đua, Đôn Châu, Trà Cú
- Hình 2: Chánh điện, Chùa Ô Răng (Phnô-Răng) mới xây.
- Hình 3: Sla chỗ lục cả trụ trì, kiến trúc cũng tương tự Chánh điện, thuộc chùa Búp Bi, Nhị Trường, Cầu Ngang.

Trà Vinh: Xứ Chùa Tháp

